

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**
Bản án số 192/2023/HS-ST
Ngày 21-11-2023
Tội: “Trộm cắp tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Di

Ông Phạm Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu K – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 196/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/QĐXXST-HS ngày 06-11-2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Thị Ngọc T, giới tính: Nữ; sinh năm: 1992, tại: Bà Rịa - Vũng Tàu. HKTT: F09, Tổ D, Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Lao động tự do. Con ông: Vũ Công T1, sinh năm: 1958 và bà: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1961. Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có bốn anh chị em. Chồng: Hồ Ngọc T2, sinh năm: 1986 (sống chung như vợ chồng, không đăng ký kết hôn). Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014.

- Tiền án: Không

- Tiền sự: Quyết định số 78/QĐ-UBND ngày 02-3-2020 của Ủy ban nhân dân xã P về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, trong thời gian 03 tháng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”;

- Nhân thân: Ngày 28-8-2023, Vũ Thị Ngọc T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai khởi tố về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự, vụ án đang được điều tra.

Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai từ ngày 19-8-2023.

Hành vi trên đây của Vũ Thị Ngọc T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Ông Bạch Tiến D; sinh năm 1966; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà Phùng Thị Hồng N, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Vũ Công T1, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18-3-2020, Vũ Thị Ngọc T, hộ khẩu thường trú tại: Ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được Nguyễn Quốc K1 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) chở đến tiệm phở của ông Bạch Tiến D thuộc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để chào bán ba can tương ớt, nhưng ông D không mua. Lúc này, T nói ông D bán cho T lon nước ngọt để uống. Trong lúc ông D đi làm nước, T ngồi xuống ghế chờ thì thấy trên ghế có một cái quần lửng (vải kaki, màu xám) nên T nảy sinh ý định lục tìm tài sản trộm cắp. Quan sát thấy ông D không để ý, T lục tìm trong các túi quần của ông D, phát hiện trong túi quần sau có số tiền 11.800.000đ. T lén lút lấy số tiền trên giấu vào mũ bảo hiểm đang cầm trên tay rồi đội lên đầu. Sau đó, T xách ba can tương ớt đi ra chỗ K1 đang dừng xe chờ. T nhờ K1 chở qua Vũng Tàu mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên rồi bỏ trốn khỏi địa phương.

Đến khoảng 14 giờ ngày 22-5-2023, T đi về nhà cha mẹ tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để xin tiền tiêu xài. Trong lúc đứng đợi người nhà lấy tiền cho, T nhìn thấy trong sân nhà chị Phùng Thị Hồng N (là hàng xóm gần nhà T) có dựng một chiếc xe mô tô đang cấm sẵn chìa khóa, nhãn hiệu Honda, loại xe SH Mode, màu xanh - xám (ban đầu xe mô tô có màu xanh - nâu, do chị N sau khi mua về đã sơn lại), biển số 72C1-426.40 (đã qua sử dụng), không người trông coi nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Để thực hiện ý định, T đi bộ sang nhà chị N, dùng tay đẩy cửa cổng (không khóa) đi vào sân, trộm cắp chiếc xe mô tô trên rồi chạy xe đến thành phố V bán cho một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 3.000.000đ. T mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 23-8-2023, Cơ quan điều tra đã làm việc với Vũ Thị Ngọc T và T đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 82/KL.HĐĐGTS ngày 25-9-2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện L kết luận: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe SH Mode, màu xanh - nâu, biển số 72C1-426.40, đã qua sử dụng, trị giá 19.300.000đ.

Vật chứng thu giữ và xử lý: Đối với xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe SH Mode, màu xanh - xám, biển số 72C1-426.40 là vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng hiện không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Vũ Thị Ngọc T đã tác động gia đình bồi thường cho chị Phùng Thị Hồng N số tiền 20.000.000đ, chị N không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ông Bạch Tiến D yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 11.800.000đ.

Tại bản cáo trạng số 192/CT-VKS ngày 27 tháng 10 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố Vũ Thị Ngọc T, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo T khai nhận Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền truy tố bị cáo là đúng nên không có ý kiến khiếu nại hay thắc mắc. Bị cáo xin nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền giữ quyền công tố kết luận: giữ nguyên quan điểm truy tố theo Bản cáo trạng số 192 ngày 27-10-2023. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Thị Ngọc T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b và s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Thị Ngọc T từ 18 đến 24 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Vũ Thị Ngọc T bồi thường cho ông Bạch Tiến D số tiền: 11.800.000đ (Mười một triệu tám trăm ngàn) đồng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo T xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức án cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến phát biểu của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng

về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Do muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên khoảng 19 giờ 30 phút ngày 18-3-2020, Vũ Thị Ngọc T có hành vi lén lút trộm cắp số tiền 11.800.000đ của ông Bạch Tiến D để trong túi quần đang treo trên ghế tại tiệm phở thuộc ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Đến khoảng 14 giờ ngày 22-5-2023, T tiếp tục trộm cắp một chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe SH Mode, màu xanh - xám, biển số 72C1-426.40, trị giá 19.300.000đ của chị Phùng Thị Hồng N đang dựng trước sân nhà tại ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tổng giá trị tài sản T trộm cắp hai lần là 31.100.000đ. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ được cơ quan điều tra Công an huyện L thu thập có trong hồ sơ vụ án nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền truy tố bị cáo Vũ Thị Ngọc T, phạm tội: “Trộm cắp tài sản” quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Bị cáo phạm tội với ý thức cố ý, lợi dụng sự sơ hở của bị hại bị cáo trộm cắp tài sản của họ. Mặc dù bị cáo biết trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm thể hiện sự coi thường pháp luật của Nhà nước. Hành vi phạm tội của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân đã được pháp luật bảo hộ mà còn gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần xử bị cáo mức án nghiêm đủ thời gian giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho gia đình và cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần phải xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Giá trị của 2 lần trộm cắp đủ yếu tố cấu thành nên bị cáo bị áp dụng tình tiết phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo T đã tác động được với gia đình bồi thường thiệt hại cho chị N; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên áp dụng tình tiết quy định tại điểm b và s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với đối tượng Nguyễn Quốc K1 và đối tượng ở thành phố V mua chiếc xe mô tô do T trộm cắp, hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch nên chưa làm việc được. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh làm rõ để xử lý theo quy định pháp luật.

Qua điều tra còn xác định, khoảng tháng 02/2006, T và Hồ Ngọc T2 (sinh năm: 1986, HKTT: Khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) sống chung với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Đến năm 2007, T sinh cháu Hồ Vũ Ngọc N1. Nhận thấy, tại thời điểm T sinh cháu N1 thì T có độ tuổi dưới 16 tuổi. Do

đó, Cơ quan điều tra đã tách vụ án đối với hành vi của Hồ Ngọc T2 để tiếp tục xác minh, làm rõ hành vi “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” xử lý theo quy định pháp luật.

- Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại xe SH Mode, màu xanh - xám, biển số 72C1-426.40 là vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng hiện không thu hồi được.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Vũ Thị Ngọc T đã tác động gia đình bồi thường cho chị Phùng Thị Hồng N số tiền 20.000.000đồng, chị N không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét. Ông Bạch Tiến D yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền 11.800.000đồng, tại phiên tòa bị cáo đồng ý. Xét ghi nhận.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: 590.000đ (Năm trăm chín mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị Ngọc T, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b và s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Vũ Thị Ngọc T 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19-8-2023.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Vũ Thị Ngọc T bồi thường cho ông Bạch Tiến D số tiền: 11.800.000đ (Mười một triệu tám trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng).

- Án phí dân sự sơ thẩm: 590.000đ (Năm trăm chín mươi ngàn đồng).

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt quyền kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền;
- Công an huyện Long Điền;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BTVT;
- Tòa án nhân dân tỉnh BRVT;
- Sở tư pháp tỉnh BRVT;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Long Điền
- Bị cáo; người bị hại
- Lưu văn phòng;
- Hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Thị Thanh Trúc